TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 03-3-2023
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hoài Dinh
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tuyển.
2/ Bà Trần Ánh Nhạn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 673/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1977 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm: 1971 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Phạm Thị T *trình bày*:

Chị và anh Lê Văn B bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1995, có tìm hiểu trước khoảng hơn 01 năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống đến ngày 11-9-2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, trong quá trình chung sống anh B không có sự tôn trọng chị T và gia đình chị, vào khoảng tháng 10-2022 chị T về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp X, xã T, huyện B, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không có liên lạc với nhau, không ai có thiện chí đoàn tụ.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung tên Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14-11-1997 và Lê Thị Trà M, sinh ngày 11-02-2011, hiện tại cháu Thúy A đã có gia đình và sống riêng, cháu Trà M đang sống cùng anh B.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung chị đồng ý giao cháu Trà M cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thúy A đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2022 bị đơn - anh Lê Văn B *trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thừa nhận vợ chồng chung sống thường bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T chung sống có 02 người con chung tên Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14-11-1997 và Lê Thị Trà M, sinh ngày 11-02-2011, hiện tại cháu Thúy A đã có gia đình và sống riêng, cháu Trà M đang sống cùng anh B. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Trà M, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị T và anh B. Giao cho anh B được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 11-02-2011, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14-11-1997 đã thành niên và có gia đình riêng, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh B tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Mâu thuẫn gia đình giữa chị và anh B chủ yếu phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh B làm đơn xin vắng mặt, chứng tỏ anh B đã bỏ mặc tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí được đoàn tụ với chị T. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 11-02-2011 hiện đang sống cùng anh B. Trong suốt thời gian ly thân anh B vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt, cháu Trà M cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Nên cần giao cháu Trà M cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14-11-1997 đã thành niên và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh B không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Từ những nhận định như trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con của chị Phạm Thị T đối với anh Lê Văn B.

- Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn B có quyền và nghĩa vụ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 11-02-2011.

Chị Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14-11-1997, đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn B không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn B không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0025025 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn B được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. Gò Dầu;
- CCTHADS H. Gò Dầu;
- UBND xã Tiên Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh